

28 Tháng Một 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)



## Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,023.94	-6.67	-6.18	3.28
HNX	203.05	-8.04	3.29	91.05
UPCOM	69.12	-7.18	-5.45	22.94
MSCI EM	1,371.42	-1.25	9.51	24.48
NIKKEI	28,197.42	-1.53	5.00	21.46
HANG SENG	28,550.77	-2.55	8.50	2.15
KOSPI	3,069.05	-1.71	9.27	40.99
FTSE	6,457.21	-1.68	-0.69	-13.68
S&P 500	3,750.77	-2.57	0.41	14.48
NASDAQ	13,270.60	-2.61	2.88	43.16

## Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.54	2.18	13.29
SET INDEX	25.70	1.64	5.75
JCI INDEX	27.95	1.57	4.63
PCOMP INDEX	27.28	1.70	6.50

## Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.15	6	3	-66
10 năm	2.29	9	-6	-77

## Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,063	0.03	0.28	0.47
US\$/KRW	1,120	-1.36	-2.05	5.08
US\$/JPY	104	-0.17	-0.46	4.66
US\$/EUR	0.83	0.06	0.90	-8.95
US\$/GBP	0.73	0.30	-1.41	-4.55
US\$/SGD	1.33	-0.30	-0.24	1.86

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	669	639	263
HNX	87	87	31
UPCOM	37	38	16

## Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



## Nhận định thị trường

### Áp lực bán tháo mạnh nhất trong lịch sử

Tâm lý hoảng loạn về dịch bệnh đã khiến cho VN-Index chịu áp lực bán tháo mạnh của nhà đầu tư, khi ghi nhận 276 mã đóng cửa ở mức giá sàn và VN-Index đóng cửa ở mốc 1,023 điểm (-6,67% DoD). Đây là mức giảm điểm tính theo % mạnh nhất trong lịch sử của VN-Index.

Với diễn biến 28 mã giảm sàn trong VN-30 là tác nhân chính khiến cho VN-Index giảm điểm mạnh trong mạnh lịch sử, trong đó VCB, VIC và VHM là những mã tác động mạnh nhất trong chiều giảm điểm với điểm số tác động lần lượt 6,78 điểm; 6,36 điểm và 5,75 điểm.

Khối ngoại quay lại mua ròng lớn nhất trong 2 tuần trở lại đây, với giá trị mua ròng hơn 500 tỷ ở trên cả 2 sàn HSX và HNX. HPG, VHM và STB là những mã mua ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt 68 tỷ; 49 tỷ và 31 tỷ. Ở chiều ngược lại, PAC và VNM là 2 mã khối ngoại bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt 36 tỷ và 16 tỷ.

Áp lực bán tháo đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset tiến về mức đánh giá cao nhất -7 điểm TIÊU CỰC.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-7	TIÊU CỰC
Dow Jones	-5	TIÊU CỰC

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

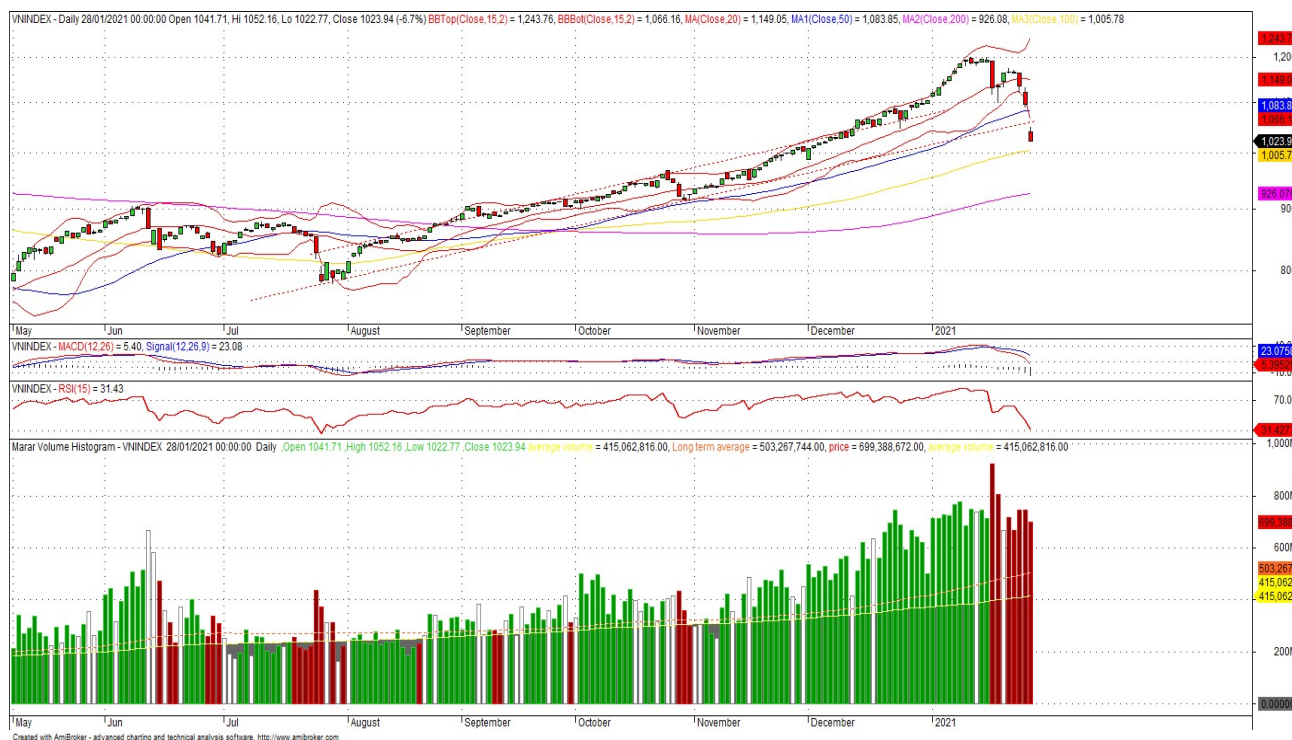
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-6	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/01/2021)	1,023,9	Kháng cự 1 <b>1.200</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 <b>1.250</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.100</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2 <b>1.050</b>

VN-Index giảm mạnh đang tiến về mức hỗ trợ gần nhất quanh ngưỡng 1,006 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

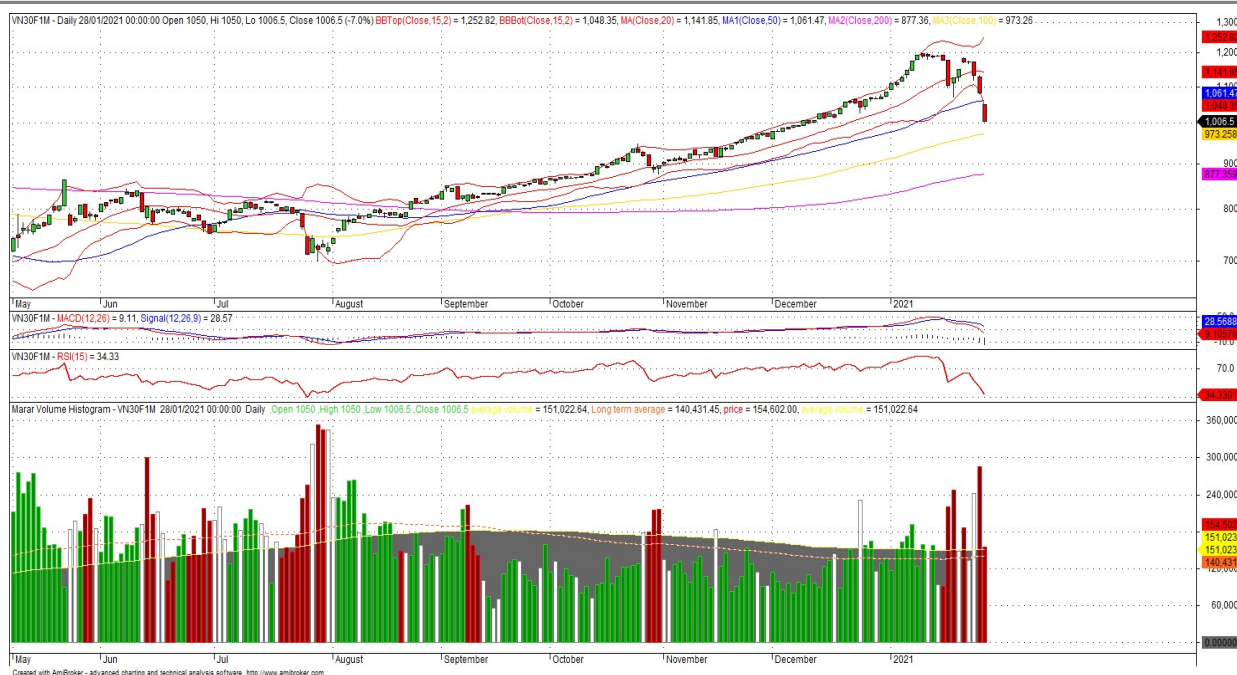
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (28/01/2020)	1.006,5	Kháng cự 1	<b>1.150</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.200</b>
VN30 - đóng cửa	1.010,75	Hỗ trợ 1	<b>1.100</b>
Chênh lệch VN30F1M & VN30	<b>-4,25</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.000</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>

Áp lực bán tháo mạnh khiến cho hợp đồng tương lai đóng cửa ở mức sàn và ghi nhận mức giảm hơn 75 điểm trong phiên ngày hôm nay.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
HPG	37.5	22,324,488	-7	TIÊU CỰC	124,248	11.6	2.3
STB	16.05	34,931,972	-7	TIÊU CỰC	28,949	10.8	1.0
TCB	31.2	17,113,846	-7	TIÊU CỰC	109,353	8.9	1.5
MBB	22.35	20,807,864	-7	TIÊU CỰC	62,552	7.5	1.3
SHB	14.1	31,792,004	-7	TIÊU CỰC	24,750	8.5	1.0
NVL	75.8	5,076,396	0	TRUNG TÍNH	80,648	13.1	3.0
SSI	27.75	13,261,701	-7	TIÊU CỰC	16,623	15.1	1.8
KBC	36.85	9,591,322	-2	TRUNG TÍNH	17,311	41.9	1.8
CTG	30.35	10,021,723	-7	TIÊU CỰC	113,005	10.3	1.4
VNM	96.1	2,933,511	-7	TIÊU CỰC	200,815	20.1	6.8
ACB	25.6	10,404,454	-7	TIÊU CỰC	55,336	7.2	1.6
VHM	87.4	2,809,771	-7	TIÊU CỰC	287,504	12.7	3.8
VRE	32.05	7,251,822	-5	TIÊU CỰC	72,828	32.0	2.6
MSN	85.3	2,582,938	-5	TIÊU CỰC	100,200	41.3	4.9
DXG	19.55	11,138,156	0	TRUNG TÍNH	10,133	#N/A N/A	1.6
TCH	21.4	9,809,420	-5	TIÊU CỰC	7,560	7.4	1.5
PVD	17	12,250,757	-7	TIÊU CỰC	7,159	29.2	0.5
HSG	21.85	8,621,134	-5	TIÊU CỰC	9,708	8.7	1.5
PDR	52.5	3,562,639	-3	TRUNG TÍNH	20,799	17.3	4.1
PVS	15.3	11,876,180	-7	TIÊU CỰC	7,313	9.4	0.6
VPB	29.65	6,050,007	-7	TIÊU CỰC	72,783	6.9	1.4
FLC	6.65	26,606,738	2	TRUNG TÍNH	4,721	#N/A N/A	0.6
LPB	12.6	13,990,873	-7	TIÊU CỰC	13,540	7.3	1.0
MWG	124.2	1,332,143	0	TRUNG TÍNH	57,968	14.6	3.7
GEX	19.5	8,330,339	-7	TIÊU CỰC	9,398	13.5	1.4
GVR	26.15	6,099,797	-5	TIÊU CỰC	104,600	34.5	2.3
DBC	46.5	3,420,011	-7	TIÊU CỰC	4,872	3.4	1.2
HCM	26.45	5,881,281	-7	TIÊU CỰC	7,885	14.9	1.8
POW	11.95	12,985,192	-7	TIÊU CỰC	27,985	17.6	1.0
IDC	32	4,723,775	-7	TIÊU CỰC	9,600	41.5	2.7
HBC	17.6	8,491,928	2	TRUNG TÍNH	4,063	16.4	1.1
FPT	58.6	2,466,739	-5	TIÊU CỰC	45,937	14.2	2.9
ROS	4.81	28,177,826	0	TRUNG TÍNH	2,730	#N/A N/A	0.5
VND	22.6	5,871,422	-7	TIÊU CỰC	4,713	8.0	1.3
ITA	6.47	19,491,852	-7	TIÊU CỰC	6,071	31.4	0.6
SHS	20.4	6,123,770	-7	TIÊU CỰC	4,228	5.6	1.3
DIG	26.85	4,620,279	-7	TIÊU CỰC	8,456	19.5	2.1
HDB	21.7	5,627,022	-7	TIÊU CỰC	34,585	8.1	1.5
GMD	28.8	4,096,240	-7	TIÊU CỰC	8,680	24.4	1.5
HNG	11.2	10,255,193	-7	TIÊU CỰC	12,416	#N/A N/A	1.5
VIC	93	1,229,132	-7	TIÊU CỰC	314,566	35.0	3.7
FIT	15.25	7,018,508	-7	TIÊU CỰC	3,885	42.2	1.3
PVT	15.45	6,834,215	-4	TIÊU CỰC	5,000	9.0	1.1
VCB	90.6	1,083,932	-7	TIÊU CỰC	336,024	18.2	3.4
CTD	70.5	1,383,773	-7	TIÊU CỰC	5,379	9.4	0.6
SBT	18.4	5,053,269	-7	TIÊU CỰC	11,356	26.2	1.5
ASM	18.3	4,853,571	0	TRUNG TÍNH	4,737	8.3	1.1
BSR	8.9	9,953,900	-7	TIÊU CỰC	27,594	9.9	0.8
HAG	4.79	17,586,422	-7	TIÊU CỰC	4,442	#N/A N/A	0.4
VJC	121.7	692,181	-5	TIÊU CỰC	63,751	#N/A N/A	4.6
TPB	23.35	3,600,552	-7	TIÊU CỰC	24,089	6.7	1.4
GAS	73.5	1,134,953	-7	TIÊU CỰC	140,675	15.5	3.0

BID	38.45	2,102,094	-7	TIÊU CỰC	154,647	18.1	2.0
VIX	21.45	3,653,955	-5	TIÊU CỰC	2,740	13.0	1.7
VCI	49.05	1,583,730	-7	TIÊU CỰC	8,123	10.5	1.8
LDG	7.44	10,251,310	-5	TIÊU CỰC	1,781	148.8	0.6
NKG	15.05	5,022,229	-5	TIÊU CỰC	2,589	8.9	0.8
NVB	13.4	5,624,240	-4	TIÊU CỰC	5,451	4,497.7	1.3
HDG	36.7	2,011,183	-7	TIÊU CỰC	5,662	5.7	1.9
TNG	20.3	3,548,530	0	TRUNG TÍNH	1,502	9.7	1.3
LCG	12.75	5,348,384	-7	TIÊU CỰC	1,469	4.7	0.9
VHC	37.9	1,794,499	-5	TIÊU CỰC	6,896	9.8	1.3
PHR	58.4	1,144,184	-7	TIÊU CỰC	7,913	7.6	2.5
GTN	21.8	3,008,010	-7	TIÊU CỰC	5,428	#N/A N/A	2.1
VPI	33.45	1,838,192	-5	TIÊU CỰC	6,690	12.1	2.6
BVH	54	1,122,406	-7	TIÊU CỰC	40,085	31.2	2.0
CII	20.4	2,891,261	-7	TIÊU CỰC	4,872	178.7	0.9
SZC	39.3	1,425,267	0	TRUNG TÍNH	3,930	21.1	3.1
NLG	31.65	1,761,620	-3	TRUNG TÍNH	8,712	10.6	1.5
HQC	2.26	23,820,954	-5	TIÊU CỰC	1,077	58.1	0.2
PNJ	77.7	682,809	-5	TIÊU CỰC	17,672	16.4	3.4
FRT	26.45	1,958,463	-7	TIÊU CỰC	2,089	#N/A N/A	1.7
HUT	4.2	12,075,550	-5	TIÊU CỰC	1,128	#N/A N/A	0.4
SCR	8	6,241,474	-7	TIÊU CỰC	2,931	48.3	0.6
DCM	12.3	3,979,371	-7	TIÊU CỰC	6,512	14.3	1.0
PLX	47.2	1,032,673	-7	TIÊU CỰC	57,528	69.3	2.8
KDH	31.9	1,485,562	-2	TRUNG TÍNH	17,826	15.4	2.3
DRC	25.7	1,835,693	0	TRUNG TÍNH	3,053	11.9	1.8
AAA	12.95	3,637,986	-7	TIÊU CỰC	2,872	9.2	0.8
CEO	9	5,151,305	-7	TIÊU CỰC	2,316	48.8	0.8
DPM	15.45	2,940,790	-7	TIÊU CỰC	6,046	7.7	0.8
HDC	35.55	1,203,256	-3	TRUNG TÍNH	2,342	10.2	2.1
PAN	25.55	1,625,117	-7	TIÊU CỰC	5,337	29.7	1.5
KDC	38.8	1,068,794	-3	TRUNG TÍNH	8,875	38.9	1.6
CTR	67.9	605,105	-5	TIÊU CỰC	4,874	26.4	5.4
PET	14.25	2,873,080	-7	TIÊU CỰC	1,191	9.0	0.8
KSB	26.05	1,538,215	-7	TIÊU CỰC	1,736	6.2	1.1
DGC	48.65	822,783	-5	TIÊU CỰC	7,237	8.5	1.9
MBS	16.4	2,427,315	-7	TIÊU CỰC	2,695	10.0	1.4
TCM	79.1	495,645	2	TRUNG TÍNH	4,902	21.0	3.0
VCG	44.55	874,236	-3	TRUNG TÍNH	19,678	12.2	2.5
HVN	25.35	1,507,432	-7	TIÊU CỰC	35,954	#N/A N/A	5.3
IJC	23.05	1,632,306	-7	TIÊU CỰC	5,004	13.8	1.7
TDH	7.64	4,608,831	-7	TIÊU CỰC	861	11.5	0.5
HHS	5.56	6,331,795	-7	TIÊU CỰC	1,528	4.4	0.4
FCN	11.3	3,092,373	-7	TIÊU CỰC	1,400	11.2	0.6
VGT	18	1,933,940	-2	TRUNG TÍNH	9,000	20.3	1.5
ART	5.2	6,671,060	-2	TRUNG TÍNH	504	#N/A N/A	0.4
REE	48.3	701,291	-5	TIÊU CỰC	14,927	10.5	1.4
MSR	18.1	1,868,750	-7	TIÊU CỰC	19,895	50.8	1.4

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### **Fed giữ nguyên lãi suất, nhận định tăng trưởng kinh tế Mỹ đang chứng lại**

Kết thúc cuộc họp chính sách trong hai ngày 26 - 27/1, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC), cơ quan lập chính sách của Fed, thông báo giữ nguyên lãi suất ở 0 - 0,25% như dự đoán trên thị trường. Fed giảm lãi suất về 0 - 0,25% từ giữa tháng 3/2020. Lãi suất này được dùng để quyết định lãi cho vay mua nhà, thẻ tín dụng và nhiều khoản vay khác tại Mỹ. Ngoài ra, Fed còn tiếp tục duy trì chương trình mua tài sản ít nhất 120 tỷ USD mỗi tháng. Kể từ khi Covid-19 xuất hiện, Fed đã mở rộng bản cân đối kế toán thêm hơn 3.000 tỷ USD lên gần 7.500 tỷ USD. "Nền kinh tế vẫn còn cách xa các mục tiêu chính sách tiền tệ, lạm phát của chúng tôi và dường như cần thời gian để củng cố hơn nữa", chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết trong cuộc họp báo sau cuộc họp. Các chính sách sẽ vẫn "có tính hỗ trợ cao trong tiến trình phục hồi kinh tế".

### **IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu**

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới công bố ngày 26/1, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay là 5,5%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với con số đưa ra hồi tháng 10. "Mọi thứ còn phụ thuộc vào cuộc đua giữa virus biến chủng và vaccine Covid-19 để chấm dứt đại dịch, và tính hiệu quả từ các chính sách được triển khai cho đến khi điều đó xảy ra", kinh tế gia trưởng của IMF Gita Gopinath cho biết

### **CNBC: Việt Nam là nền kinh tế hàng đầu châu Á năm 2020**

Nhiều nền kinh tế châu Á chưa công bố số liệu kinh tế quý IV/2020 và cả năm 2020 nhưng ước tính từ CNBC, nhiều nguồn chính thức sẵn có và các tổ chức như IMF, cho thấy Việt Nam vượt trội hơn mọi nền kinh tế khác trong khu vực. Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 2,9% trong năm 2020, theo số liệu công bố cuối tháng 12, vượt qua con số 2,3% của Trung Quốc. "Với kết quả này, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nằm trong nhóm cao nhất, giữa lúc nhiều nơi trên thế giới rơi vào suy thoái sâu", các chuyên gia kinh tế tại Bank of America Global Research nhận định. Xuất khẩu góp phần đáng kể cho đà tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2020. Lĩnh vực sản xuất phát triển nhờ nhu cầu xuất khẩu ổn định. Đây là xu hướng sẽ duy trì trong những năm tới. Việt Nam còn tham gia một số hiệp định thương mại tự do như với Anh, Liên minh châu Âu, giúp thúc đẩy hơn nữa dòng chảy thương mại, Fitch Solutions nhận định.

### **TCB: Lãi tăng 23% trong 2020**

Theo BCTC hợp nhất quý IV/2020, Techcombank (HoSE: TCB) ghi nhận thu nhập lãi thuần 5.493 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm 22% xuống 1.069 tỷ đồng, lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư giảm lần lượt 80% và 28% xuống 27,8 tỷ đồng và 500,7 tỷ đồng. Thu nhập từ hoạt động khác tăng 6% lên 652 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí hoạt động hơn 2.306 tỷ đồng, giảm hơn 1% so với cùng kỳ, ngân hàng lãi trước dự phòng 5.455 tỷ đồng, tăng 27%. Chi phí dự phòng trong kỳ tăng 17% lên 366 tỷ đồng. Techcombank kết thúc quý IV với khoản lãi trước thuế 5.088 tỷ đồng, cao hơn 28% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế cả năm, ngân hàng lãi trước thuế 15.800 tỷ đồng, tăng 23% và vượt 21,5% kế hoạch được cổ đông thông qua. Lợi nhuận sau thuế cổ đông ngân hàng hơn 12.324 tỷ đồng, tăng 22%.

### **FPT đặt mục tiêu lợi nhuận 2021 tăng trưởng 18%**

HĐQT FPT (HoSE: FPT) vừa phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2021 để trình ĐHCĐ thông qua với mục tiêu doanh thu 34.720 tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế là 6.210 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2020. Năm 2020, FPT ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 29.830 tỷ đồng và 5.261 tỷ đồng, tăng 7,6% và 12,8% so với cùng kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 4.119 đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2019. HĐQT quyết định sẽ tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Phần mềm FPT từ mức



2.800 tỷ lên 3.300 tỷ đồng; phê duyệt việc tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Đầu tư FPT từ mức 800 tỷ lên 1.000 tỷ đồng; thành lập công ty con FPT Digital với mục tiêu cung cấp dịch vụ tư vấn lộ trình chuyển đổi số để hoàn thiện chuỗi giá trị dịch vụ công nghệ thông tin

### **OIL: lãi ròng quý IV gấp 10 lần, cả năm vẫn lỗ 177 Tỷ**

Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil, UPCoM: OIL) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần giảm đến 56% còn 9.091 tỷ đồng. Công ty cho biết giá dầu rent kỳ này giảm 33% so với cùng kỳ làm cho giá vốn cũng giảm tương ứng. Lợi nhuận gộp giảm nhẹ về 621 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp được cải thiện lên 6,8%. Ngoài ra, các chi phí tài chính giảm hơn phân nửa, chi phí bán hàng và quản lý cũng được tiết giảm. Doanh nghiệp còn có khoản lợi nhuận khác gần 70 tỷ đồng, gấp 6,5 lần cùng kỳ. Nhờ đó lợi nhuận sau thuế tăng 462% đạt 190 tỷ đồng. Lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ gấp 10 lần cùng kỳ đạt 141,5 tỷ đồng.

### **PDR: lãi hơn 1.219 tỷ đồng trong 2020**

Năm 2020, ngành bất động sản chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19. Nguồn cung mới ra thị trường sụt giảm do khó khăn ở các thủ tục pháp lý, quỹ đất tại hai thị trường trọng điểm là TP HCM và Hà Nội ngày càng cạn kiệt, tâm lý dè chừng của chủ đầu tư trước sức cầu yếu khiến cho toàn ngành tăng trưởng chậm, chỉ tăng 1,33% trong quý IV/2020 và 0,31% cả năm so với cùng kỳ năm 2019, theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO). Nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, CTCP phát triển bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) đã kịp thời chuyển hướng phát triển sang các thành phố vệ tinh và các tỉnh lân cận như Quảng Ngãi, Bình Dương, Bình Định... tập trung vào các địa điểm đầu tư nóng thu hút nhiều nguồn vốn khi quỹ đất vẫn còn tương đối dồi dào và đầu tư cơ sở hạ tầng có nhiều biến chuyển mạnh mẽ. Trong năm 2020, nhờ chủ yếu ghi nhận doanh thu bán đất nền tại các dự án Phát Đạt Bàu Cả - Quảng Ngãi và dự án Khu đô thị sinh thái - Khu kinh tế Nhơn Hội - Bình Định (phân khu số 2 và phân khu số 9), công ty đạt mức doanh thu thuần 3.910 tỷ đồng, tăng 15% cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 38,76% lên 46,56% giúp lợi nhuận gộp đạt 1.821 tỷ đồng, tăng 38%.

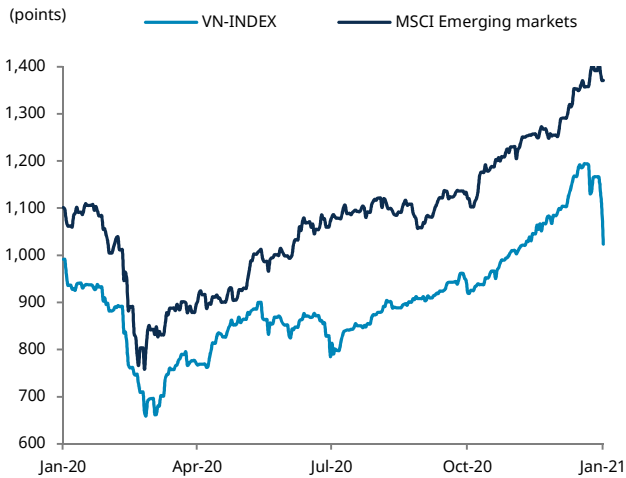
### **NKG: hoàn thành kế hoạch năm 2020**

Thép Nam Kim (HoSE: NKG) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần tăng 7% lên 3.418 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng 137% lên 307 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 9%. Lợi nhuận sau thuế theo đó gấp hơn 21 lần cùng kỳ đạt 154 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết tỷ lệ giá vốn trên doanh thu ở mức thấp là nguyên nhân chính giúp ghi nhận kết quả khả quan. Tính chung cả năm, công ty ghi nhận doanh thu thuần giảm 5% về 11.600 tỷ đồng và lợi nhuận gộp tăng 154% lên 869 tỷ đồng. Nhờ đó, dù không có khoản thu nhập khác từ thanh lý tài sản như cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế vẫn tăng 525% lên 295 tỷ đồng. Năm 2020, công ty đề ra mục tiêu doanh thu 15.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 295 tỷ đồng. Với kết quả đạt được, công ty vừa đủ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cả năm

### **VSC: lên kế hoạch tăng vốn 100%, chia cổ tức tiền mặt 20%**

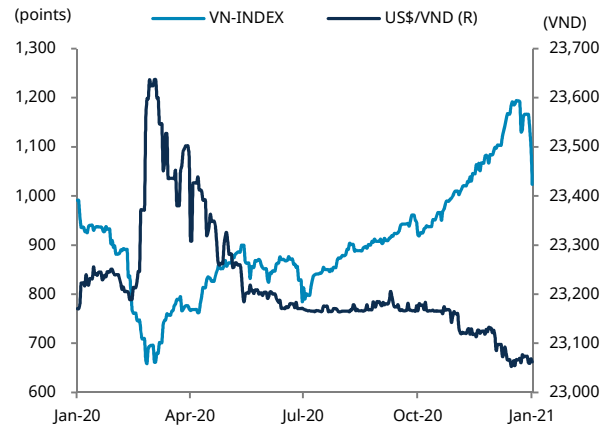
Đặt kế hoạch cho năm 2021, Viconship đưa ra mục tiêu tăng nhẹ bao gồm doanh thu 1.700 tỷ và lợi nhuận trước thuế 335 tỷ đồng. Tuy nhiên HĐQT cân nhắc trong trường hợp dịch Covid-19 có diễn biến xấu bất thường và tiếp tục thiếu hụt nghiêm trọng thì chỉ tiêu doanh thu 1.485 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế giảm gần 12% về 296 tỷ đồng. HĐQT thông báo sẽ chốt danh sách cổ đông vào ngày 23/2 để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, dự kiến tổ chức cuối tháng 3. HĐQT đề xuất mức chi trả cổ tức cho năm 2020 là 20% bằng tiền và năm 2021 cũng là 20% bằng tiền.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



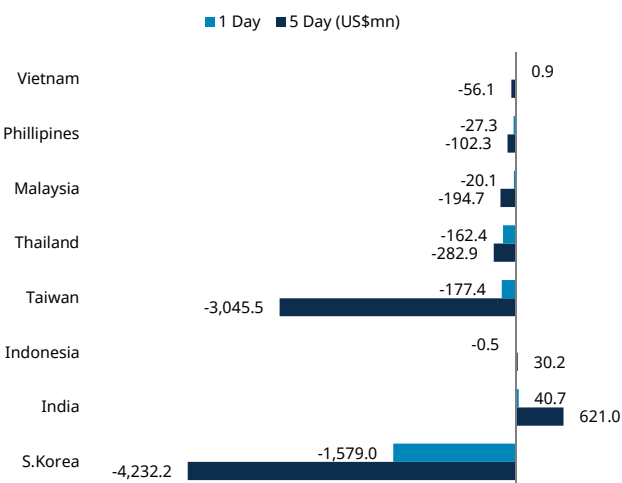
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



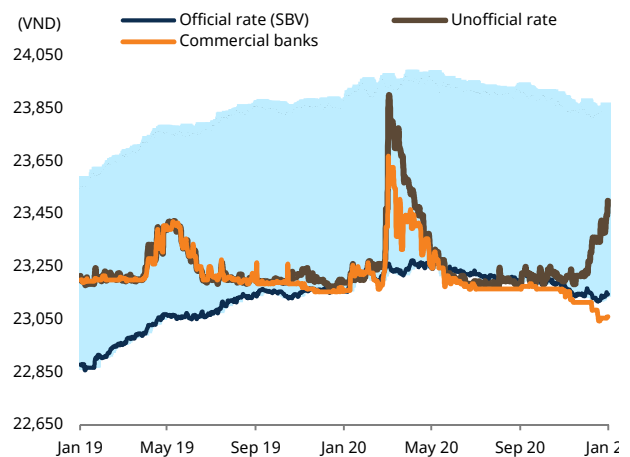
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



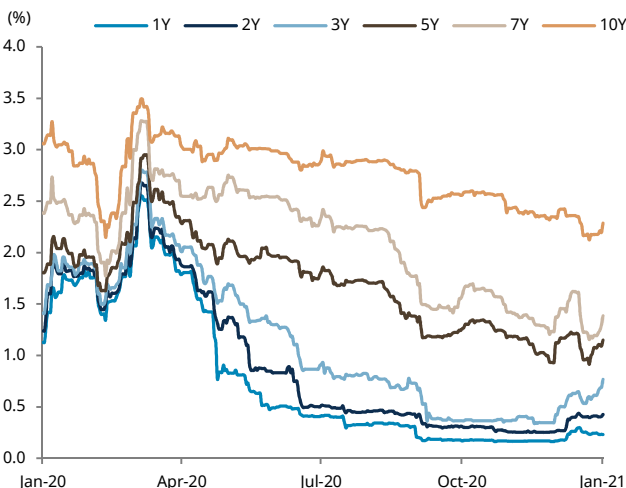
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



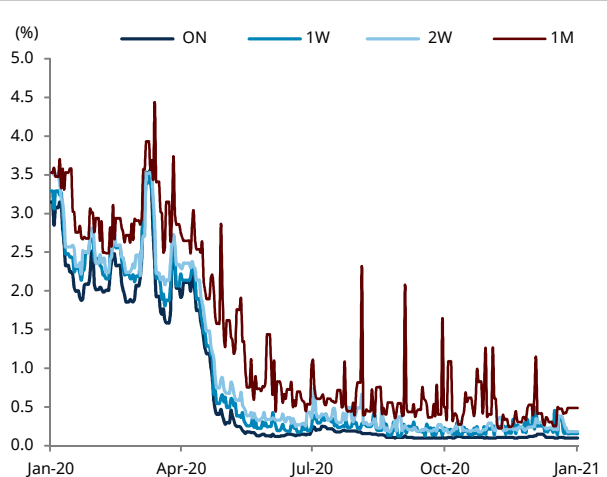
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,010.75</b>	<b>2,908,666</b>		<b>-6.7</b>	<b>-12.2</b>	<b>-4.1</b>	<b>11.2</b>	<b>13.6</b>	<b>11.8</b>	<b>2.2</b>	<b>1.9</b>	<b>15.2</b>	<b>16.5</b>	<b>17.2</b>	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	38,450	154,647	17.3	-6.9	-17.3	-19.0	-30.7	27.7	17.4	1.9	1.8	59.0	9.3	12.2	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	30,350	113,005	28.6	-6.9	-18.0	-11.5	18.6	12.0	9.0	1.4	1.2	33.1	12.6	14.8	
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	18,100	22,253	30.0	2.3	-9.5	-3.7	3.7	26.1	29.8	1.3	1.3	-12.3	5.3	4.4	
CTCP FPT	FPT VN	58,600	45,937	49.0	-7.0	-10.7	1.2	19.3	11.5	9.8	2.5	2.3	17.9	25.4	27.2	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	73,500	140,675	3.0	-7.0	-16.0	-15.4	-22.6	17.4	14.4	2.9	2.8	20.5	16.9	22.5	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	21,700	34,585	17.3	-6.9	-15.9	-9.0	23.5	6.5	5.6	1.1	1.0	15.3	19.0	18.5	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	37,500	124,248	31.0	-6.9	-15.2	-9.7	71.1	10.8	8.5	2.3	1.9	26.1	21.1	22.1	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,900	17,826	38.0	-6.9	-3.3	12.1	29.3	16.4	14.3	2.2	2.0	15.1	14.0	15.1	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	22,350	62,552	23.0	-6.9	-13.4	-2.1	15.8	6.8	5.6	1.1	1.0	21.3	18.1	18.6	
Tập đoàn Masan	MSN VN	85,300	100,200	32.0	-7.0	-6.8	3.5	59.7	92.3	37.9	3.2	2.9	143.6	3.5	9.7	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	124,200	57,968	49.0	-7.0	-0.6	5.9	4.2	14.4	11.0	3.7	2.9	30.1	28.1	28.3	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	75,800	80,648	7.0	-6.7	-0.1	14.3	36.9	19.6	18.8	2.8	2.5	4.6	16.1	13.5	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	47,200	57,528	15.6	-6.9	-14.0	-13.9	-17.6	54.8	17.5	2.5	2.3	213.7	4.9	15.3	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	77,700	17,672	49.0	-6.9	-5.7	-0.1	-14.9	14.6	11.6	3.0	2.4	25.9	22.9	23.3	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,950	27,985	8.3	-6.6	-16.7	-9.1	7.7	14.6	12.7	1.1	0.9	14.9	6.9	7.5	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	48,300	14,927	49.0	-6.9	-9.9	1.4	30.5	10.1	8.9	1.3	1.2	14.5	13.4	14.0	
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	4,810	2,730	3.1	-7.0	20.3	96.3	-53.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	173,800	111,455	63.1	-7.0	-10.4	-11.8	-25.2	21.4	17.9	4.8	4.3	19.6	24.9	26.8	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,400	11,356	7.9	-6.8	-23.3	-12.2	-1.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	27,750	16,623	44.5	-6.9	-19.7	-13.3	66.8	14.4	14.3	NA	NA	1.0	10.3	11.6	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	16,050	28,949	9.6	-7.0	-19.8	-4.2	47.2	12.9	9.7	1.0	0.9	32.9	8.4	9.9	
NHTMCP Ký Thương Việt Nam	TCB VN	31,200	109,353	22.5	-6.9	-13.8	5.1	28.9	8.4	7.2	1.3	1.1	16.7	16.4	16.2	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,400	7,560	5.9	-7.0	-15.6	4.9	-47.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	90,600	336,024	23.7	-7.0	-12.0	-7.6	-3.0	17.1	13.5	2.9	2.5	26.9	19.3	20.7	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	87,400	287,504	22.2	-6.9	-11.7	-0.3	-2.2	10.8	9.1	3.4	2.5	18.4	36.8	30.8	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	93,000	314,566	14.0	-7.0	-11.5	-12.2	-19.1	49.8	38.2	3.3	3.0	30.6	7.3	8.5	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	121,700	63,751	18.9	-7.0	-7.1	-2.6	-16.9	NA	29.2	4.4	3.9	514.0	-4.3	14.1	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	96,100	200,815	57.7	-7.0	-12.9	-11.6	-4.9	19.6	17.6	6.8	6.2	11.1	38.9	39.1	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	29,650	72,783	23.4	-6.9	-18.1	-8.2	25.6	6.8	6.1	1.2	1.0	11.4	18.5	17.2	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,050	72,828	31.3	-7.0	-12.4	5.3	-1.7	32.1	23.2	2.5	2.4	38.6	8.1	10.6	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
<b>VN-Index</b>	<b>-73.23</b>	<b>4,074,745</b>	<b>-6.7</b>	<b>-12.0</b>	<b>-6.2</b>	<b>3.3</b>	<b>16.5</b>	<b>13.5</b>	<b>2.2</b>	<b>2.0</b>	<b>22.2</b>	<b>13.3</b>	<b>16.6</b>	
Ô tô và phụ tùng	-0.13	7,492	-6.2	-5.3	6.4	16.6	5.5	4.9	1.0	0.9	26.7	11.3	12.0	
Ngân hàng	-20.86	1,079,080	-6.7	-14.2	-7.9	5.1	14.3	11.0	1.9	1.6	22.4	16.3	17.2	
Xây dựng cơ bản	-2.84	155,634	-6.3	-8.8	3.2	40.3	8.5	5.7	1.5	0.5	-1.7	6.6	6.3	
Dịch vụ thương mại	-0.09	4,313	-6.9	-10.2	-5.9	-0.8	10.3	6.0	NA	NA	-4.2	7.6	12.5	
May mặc và trang sức	-0.66	33,172	-6.9	-6.8	9.1	49.5	12.0	10.5	2.1	1.7	2.4	16.3	17.1	
Dịch vụ tiêu dùng	-0.09	7,750	-4.6	-6.1	4.1	-14.3	NA	10.2	NA	NA	-27.3	NA	5.2	
Dịch vụ tài chính	-1.13	56,612	-6.9	-18.6	-10.0	56.0	7.8	4.2	NA	NA	NA	7.9	4.4	
Năng lượng	-1.44	72,543	-6.9	-14.1	-9.6	-11.3	49.7	19.7	2.1	1.9	7.6	4.8	13.0	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-10.20	512,173	-6.9	-11.2	-8.2	8.5	32.0	19.7	4.4	4.0	-3.2	21.7	23.3	
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	813	-6.1	-15.7	-22.5	24.4	NA	NA	NA	NA	-47.6	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.18	8,793	-7.0	-10.8	-0.8	1.3	6.5	6.2	NA	NA	50.6	10.6	15.7	
Bảo hiểm	-0.89	46,494	-6.6	-15.4	-14.7	-17.8	27.9	22.6	1.8	1.7	4.9	6.3	7.6	
Nguyên vật liệu	-6.17	318,176	-6.7	-14.9	-10.0	44.6	15.2	13.0	1.1	0.9	63.1	13.5	13.7	
Giải trí và truyền thông	-0.03	1,267	-6.9	-3.1	-12.5	9.2	17.0	12.4	1.1	1.0	NA	6.7	8.5	
Dược phẩm	-0.34	32,506	-3.6	-6.1	-5.7	14.3	NA	NA	NA	NA	34.9	NA	NA	
Bất động sản	-18.53	955,041	-6.7	-10.0	1.3	6.5	8.0	7.7	1.4	1.3	29.0	9.4	9.2	
Bán lẻ	-1.18	65,959	-6.2	-2.6	4.9	10.9	48.2	41.0	2.6	2.2	24.6	17.0	15.6	
Phần mềm và dịch vụ	-1.00	49,538	-7.0	-12.6	0.3	17.7	14.8	10.4	3.3	2.6	12.1	24.9	25.3	
Thiết bị và phần cứng	-0.06	2,799	-7.0	-17.0	-15.9	152.3	10.7	9.0	2.3	2.2	48.6	23.6	25.2	
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,358	7.0	30.6	159.9	267.0	9.0	7.6	2.0	1.7	-90.7	22.1	23.0	
Vận tải	-2.73	155,708	-6.1	-10.0	-4.5	-1.5	NA	NA	NA	NA	-7.0	NA	NA	
Tiện ích	-4.21	221,995	-6.6	-13.7	-12.3	-13.3	43.7	53.6	8.5	7.9	0.4	-17.0	-3.3	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
EIB VN	18,100	2.26	2,110,100	0.13
SVC VN	74,800	6.86	100	0.04
OPC VN	61,700	6.93	8,800	0.03
PDN VN	84,000	6.33	2,300	0.02
SGT VN	18,350	7.00	178,900	0.02
RIC VN	12,150	6.58	63,400	0.01
CEE VN	17,100	6.88	2,200	0.01
VAF VN	10,200	6.92	11,500	0.01
VPS VN	13,300	6.83	83,900	0.01
HOT VN	28,900	6.84	500	0.00

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	90,600	-6.98	1,205,500	-6.78
VIC VN	93,000	-7.00	1,742,900	-6.36
VHM VN	87,400	-6.92	3,197,600	-5.75
VNM VN	96,100	-6.97	4,565,600	-4.04
BID VN	38,450	-6.90	2,692,000	-3.08
GAS VN	73,500	-6.96	1,569,900	-2.83
HPG VN	37,500	-6.95	49,934,800	-2.49
CTG VN	30,350	-6.90	13,297,400	-2.25
SAB VN	173,800	-6.96	284,400	-2.24
TCB VN	31,200	-6.87	27,121,100	-2.17

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.